

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2020/KDTM-ST

Ngày: 08/7/2020.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thành Huế

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Kim Thủy
2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa :** Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2019/TLST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST- KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V ; Trụ sở: Số T đường H, phường L, quận Đ, TP. Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Tầng 2 số 2H đường, Phường B, quận P, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thế V hoặc ông Nguyễn Ngọc L - Là Chuyên viên xử lý nợ.(Giấy ủy quyền số 30321/2019/UQ – PGĐ ngày 08/8/2019); địa chỉ: Lầu 1-Tòa nhà A, số 9 đường C, Phường B, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH S ; địa chỉ: Số 1M đường L, Phường M, quận G, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Vũ Hồng Ph ; địa chỉ: Số 1M đường số B, Phường S, quận G, TP.Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Vũ Hồng Ph ; địa chỉ: Số S đường N, Phường S, Q, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung; các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, người đại hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng thương mại cổ phần V (Sau đây được viết tắt là Ngân hàng) có cho Công ty TNHH S (Sau đây được viết tắt là Công ty S) vay vốn, cụ thể theo các Hợp đồng tín dụng sau: Ngày 24/5/2017 Công ty S có ký hợp đồng vay hạn mức số DSA/Q11/17/0114/HDHM (Sau đây được viết là Hợp đồng tín dụng), theo Hợp đồng Công ty đã vay vốn của Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh S – Phòng giao dịch T với tổng số tiền vay là 782.917.500 đồng, Công ty S vay vốn Ngân hàng từng lần theo các khế ước nhận nợ (Có ủy nhiệm chi) như sau: ngày 24/5/2017 vay 99.990.000 đồng; ngày 26/5/2017 vay 300.019.500 đồng; ngày 27/6/2017 vay 83.423.000 đồng; ngày 01/8/2017 vay 40.432.500 đồng; ngày 28/8/2017 vay 43.832.500 đồng; ngày 04/10/2017 vay 47.492.500 đồng; ngày 26/10/2017 vay 51.492.500 đồng; ngày 27/11/2017 vay 55.792.500 đồng; ngày 27/12/2017 vay 60.442.500 đồng. Theo Hợp đồng tín dụng thì thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký Hợp đồng, thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức: Thời hạn vay của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 12 tháng và thời hạn cụ thể được quy định trong khế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan của mỗi lần Công ty nhận nợ vốn vay. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất sẽ được bên Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong các khế ước nhận nợ, cụ thể các khế ước nhận nợ ngày 24/5/2017; ngày 26/5/2017 và ngày 27/6/2017 lãi suất trong hạn là 26,8%/năm, điều chỉnh 03 tháng/01 lần; khế ước nhận nợ ngày 01/8/2017 lãi suất trong hạn là 26,7% năm, điều chỉnh 03 tháng/01 lần; khế ước nhận nợ ngày 28/8/2017 lãi suất trong hạn là 26,1%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; các khế ước nhận nợ ngày 04/10/2017; ngày 26/10/2017 và ngày 27/11/2017 lãi suất trong hạn là 25,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần; khế ước nhận nợ ngày 27/12/2017 là 25,8 %/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Bà Đinh Vũ Hồng Ph ký Hợp đồng bảo lãnh ngày 24/5/2017, theo đó bà Ph bảo lãnh việc thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng trên. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ cho Công ty S với tổng số tiền vốn vay theo các khế ước nhận nợ là 782.917.500 đồng. Công ty S đã thanh toán được tổng số nợ gốc là 465.821.090 đồng và tổng tiền lãi đã thanh toán là 96.551.223 đồng (lãi trong hạn 80.393.379 đồng, lãi quá hạn 16.157.844 đồng). Nay Công ty S còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 08/7/2020 với tổng số nợ gốc và nợ lãi là 618.210.646 đồng, trong đó nợ gốc là 317.096.410 đồng, lãi trong hạn 19.529.059 đồng và lãi quá hạn 281.585.177 đồng. Đối với khoản nợ thẻ, ngày

24/4/2017 Công ty S có ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 24/4/2017 (Sau đây được viết tắt là Hợp đồng thẻ) và đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 15/5/2017, ngày mở thẻ là ngày 26/6/2017, số thẻ 5590731502188840. Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty S sử dụng thẻ và phát sinh nợ trong kỳ là 706.213.481 đồng, Công ty S đã thanh toán 597.202.965 đồng và dư nợ cuối kỳ là 109.887.017 đồng, trong đó nợ gốc là 49.715.078 đồng và nợ lãi là 60.171.939 đồng. Lãi suất của Hợp đồng thẻ được tính là lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của chủ thẻ và tính theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định trong từng thời kỳ, cụ thể lãi suất áp dụng đối với Hợp đồng thẻ vào thời điểm phát hành thẻ là 25%/năm và kể từ ngày 06/10/2018 thay đổi mức lãi suất 28%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất áp dụng cho Hợp đồng thẻ theo Quyết định của Ngân hàng. Đối với Hợp đồng thẻ, bà Đinh Vũ Hồng Ph bảo lãnh cho Công ty về nghĩa vụ đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng thẻ, bà Ph có ký kết Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0114/HĐBL/THE ngày 29/5/2017.

Ông V xác định Hợp đồng vay hạn mức số DSA/Q11/17/0114/HDHM ngày 24/5/2017 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 01 ngày 24/4/2017 không có tài sản đảm bảo.

Đối với khoản lãi phạt do chậm thanh toán. Ông V xác định theo đơn khởi kiện khoản tính lãi quá hạn bao gồm cả khoản lãi phạt, khoản lãi phạt được cụ thể trong bản sao kê tính lãi trước đây, Ông V xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi phạt này.

Về thời hạn thanh toán. Ông V yêu cầu, Công ty S thanh toán toàn bộ khoản nợ làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 09/7/2020, Công ty S phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

Trường hợp Công ty S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu bà Đinh Vũ Hồng Ph phải có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số nợ trên cho Bà Ph Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0114/HĐBL ngày 24/5/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0114/HĐBL/THE ngày 29/5/2017 mà bà Ph đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa cho bị đơn là Công ty P, bà Đinh Vũ Hồng Ph là người đại diện pháp luật của Công ty và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 26/02/2020 và đã niêm yết cho bị đơn thông báo kết quả các phiên họp. Do bị đơn và

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Có ông Phan Thế V và ông Nguyễn Ngọc L là những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn Công ty S do bà Đinh Vũ Hồng Ph là người đại diện theo pháp luật, đồng thời bà Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty S thanh toán số tiền còn nợ cho Bà Ph Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số DSA/Q11/17/0114/HDHM ngày 24/5/2017; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 01 ngày 24/4/2017. Công ty S phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty S không thanh toán số nợ trên thì bà Đinh Vũ Hồng Ph chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S thanh toán tổng khoản nợ vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 08/7/2020 là 728.097.663 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số DSA/Q11/17/0114/HDHM ngày 24/5/2017; Hợp đồng thế số 01 ngày 24/4/2017. Đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

[1.2] Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Có ông Phan Thế V và ông Nguyễn Ngọc L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); Bị đơn – Công ty S do bà Đinh Vũ Hồng Ph là người đại diện theo pháp luật, bà Ph cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 08/7/2020 là 728.097.663 đồng, và lãi suất phát sinh kể từ ngày 09/7/2020 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số DSA/Q11/17/0114/HDHM ngày 24/5/2017 và Hợp đồng thế ngày 24/4/2017 đã thoả thuận. Căn cứ lời khai của những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; Hợp đồng tín dụng số DSA/Q11/17/0114/HDHM ngày 24/5/2017 Công ty S đã ký kết và các Khế ước nhận nợ của Công ty S thể hiện khoản tiền nợ gốc mà Công ty S đã vay của Ngân hàng, cụ thể như sau:

Lần 1. Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM -01 ngày 24/5/2017 là 99.990.000 đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 26,8%/năm, điều chỉnh 03 tháng/01 lần, ngày giải ngân là 24/5/2017 ngày đến hạn 24/5/2018. Thời hạn thanh toán của các khế ước ngày 25 hằng tháng và được chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ thanh toán nợ gốc 8.332.500 đồng.

Lần 2. Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM -02 ngày 26/5/2017 vay 300.019.500 đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 26,8%/năm, điều chỉnh 03 tháng/01 lần, ngày giải ngân là 26/5/2017 ngày đến hạn 26/5/2018. Thời hạn thanh toán của các khế ước ngày 25 hằng tháng và được chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ thanh toán nợ gốc 25.100.000 đồng và lãi, riêng kỳ cuối thanh toán 23.919.500 đồng và lãi.

Lần 3. Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM -03 ngày 27/6/2017 vay 83.423.000 đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 26,8%/năm, điều chỉnh 03 tháng/01 lần, ngày giải ngân là 27/6/2017 ngày đến hạn 27/6/2018. Thời hạn thanh toán của các khế ước ngày 25 hằng tháng và được chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ thanh toán nợ gốc 7.000.000 đồng và lãi, riêng kỳ cuối thanh toán 6.423.000 đồng và lãi.

Lần 4. Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM -04 ngày 01/8/2017 vay 40.432.500 đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 26,7%/năm, điều chỉnh 03 tháng/ 01lần, ngày giải ngân là 01/8/2017 ngày đến hạn 01/8/2018. Thời hạn thanh toán của các khế ước ngày 25 hằng tháng và được chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ thanh toán nợ gốc 3.400.000 đồng và lãi, riêng kỳ cuối thanh toán 3.032.500 đồng và lãi.

Lần 5. Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM -05 ngày 28/8/2017 vay 43.832.500 đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 26,1%/năm, điều chỉnh 01 tháng/ 01lần, ngày giải ngân là 28/8/2017 ngày đến hạn 28/8/2018. Thời hạn thanh toán của các khế ước ngày 25 hằng tháng và được chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ thanh toán nợ gốc 3.660.000 đồng và lãi, riêng kỳ cuối thanh toán 3.572.500 đồng và lãi.

Lần 6. Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM -06 ngày 04/10/2017 vay 47.492.500 đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 25,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01lần, ngày giải ngân là 04/10/2017 ngày đến hạn 04/10/2018. Thời hạn thanh toán của các khế ước ngày 25 hằng tháng và được chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ thanh toán nợ gốc 4.000.000 đồng và lãi, riêng kỳ cuối thanh toán 3.492.500 đồng và lãi.

Lần 7. Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM -07 ngày 26/10/2017 vay 51.492.500 đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 25,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng/ 01lần, ngày giải ngân là 26/10/2017 ngày đến hạn 26/10/2018. Thời hạn thanh toán của các khế ước ngày 25 hằng tháng và được chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ thanh toán nợ gốc 4.300.000 đồng và lãi, riêng kỳ cuối thanh toán 4.192.500 đồng và lãi.

Lần 8. Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM -08 ngày 27/11/2017 vay 55.792.500 đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 25,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01lần, ngày giải ngân là 27/11/2017 ngày đến hạn 27/11/2018. Thời hạn thanh toán của các khế ước ngày 25 hằng tháng và được chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ thanh toán nợ gốc 4.650.000 đồng và lãi, riêng kỳ cuối thanh toán 4.642.500 đồng và lãi.

Lần 9. Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM -09 ngày 27/12/2017 vay 60.442.500 đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 25,8%/năm, điều chỉnh 01 tháng /01lần, ngày giải ngân là 27/12/2017 ngày đến hạn 27/12/2018. Thời hạn thanh toán của các khế ước ngày 25 hằng tháng và được chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ thanh toán nợ gốc 5.100.000 đồng và lãi, riêng kỳ cuối thanh toán 4.342.500 đồng và lãi.

Căn cứ vào các ủy nhiệm chi có nội dung thể hiện Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho Công ty S theo các khế ước nhận nợ.

Mục đích vay vốn của Công ty S để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất, gia công giày dép. Hình thức cho vay vốn không có tài sản đảm bảo. Từ những tài liệu, chứng cứ trên thể hiện việc giao kết Hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, hình thức, nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 463 và Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”, nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các

bên. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, thể hiện quá trình thực hiện Hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền 782.917.500 đồng, Công ty S đã nhận đủ số tiền thể hiện ở các khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi giải ngân số tiền vay theo khế ước nhận nợ. Bà Đinh Vũ Hồng Ph bảo lãnh cho Công ty về nghĩa vụ đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng trên, bà Ph đã ký Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0114/HDBL ngày 24/5/2017. Sau khi vay vốn, Công ty S đã thanh toán được 465.821.090 đồng và tổng tiền lãi đã thanh toán là 96.551.223 đồng. Trong đó nợ gốc đã thanh toán là 465.821.090 đồng, lãi trong hạn 80.393.379 đồng, lãi quá hạn 16.157884 đồng. Công ty S còn nợ Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 08/7/2020 là 618.210.646 đồng, trong đó, nợ gốc là 317.096.410 đồng, lãi trong hạn 19.529.059 đồng và lãi quá hạn 281.585.177 đồng. Công ty S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng mà các bên thỏa thuận. Do đó là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng là phù hợp với nội dung giao dịch mà các bên thỏa thuận nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với Hợp đồng thẻ, theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo số 01 ngày 24/4/2017 do Công ty S ký kết với Ngân hàng và đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 15/5/2017, ngày mở thẻ là ngày 26/6/2017, số thẻ 5590731502188840. Hình thức và nội dung thỏa thuận của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên giao dịch này là hợp pháp. Lãi suất của Hợp đồng thẻ được tính là lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của chủ thẻ và tính theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định trong từng thời kỳ, cụ thể lãi suất áp dụng đối với Hợp đồng thẻ vào thời điểm phát hành thẻ là 25%/năm và kể từ ngày 06/10/2018 thay đổi mức lãi suất 28%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mức lãi suất trên phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng thẻ và được quy định tại Quyết định số 844/2015/QĐ-TGD, ngày 23/11/2015 và Quyết định số 795/2018/QĐ-TGD ngày 28/9/2018 của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Quá trình thực hiện Hợp đồng thẻ thể hiện tại bản kê đối với tài khoản thẻ thể hiện Công ty S sử dụng thẻ phát sinh nợ trong kỳ là 707.089.983 đồng, Công ty S đã thanh toán 597.202.965 đồng và dư nợ cuối kỳ là 109.887.017 đồng, trong đó nợ gốc là 49.715.078 đồng và nợ lãi là 60.171.939 đồng, bà Đinh Vũ Hồng Ph ký Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0114/HDBL/THE ngày 29/5/2017, theo đó, bà Ph bảo lãnh về việc thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng thẻ trên. Do Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán khoản nợ thẻ tạm tính đến ngày 08/7/2020 là 109.887.017 đồng, trong đó nợ gốc là 49.715.078 đồng và nợ lãi là 60.171.939 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Đinh Vũ Hồng Ph phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thanh toán toàn bộ khoản nợ thay cho Công ty S theo các Hợp đồng bảo lãnh mà bà Ph đã ký trong trường hợp Công ty không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên.

Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0114/HDBL ngày 24/5/2017 bà Đinh Vũ Hồng Ph đã ký kết đã thể hiện nội dung bà Ph bảo lãnh cho Công ty S trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số DSA/Q11/17/0114/HDHM ngày 24/5/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0114/HĐBL/THE ngày 29/5/2017 bảo lãnh cho Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 24/4/2017 có nội dung phù hợp với quy định tại các điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên, các Hợp đồng bảo lãnh trên có nội dung thể hiện bên bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng trên. Đại diện của Ngân hàng xác nhận các Hợp đồng vay trên không có tài sản đảm bảo nên không ký Hợp đồng thế chấp và không có đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ bảo lãnh của bà Ph trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về tài sản trong các Hợp đồng bảo lãnh nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán toàn bộ khoản nợ làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã gây thiệt hại cho Ngân hàng. Do đó, để đảm bảo cho quyền lợi của Ngân hàng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Ph Ngân hàng TMCP V buộc Công ty TNHH S thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 08/7/2020 là 728.097.663 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số DSA/Q11/17/0114/HDHM ngày 24/5/2017, các khế ước nhận là 618.210.646 đồng, trong đó, nợ gốc là 317.096.410 đồng, lãi trong hạn 19.529.059 đồng, lãi quá hạn 281.585.177 đồng và số tiền nợ thẻ là 109.887.017 đồng, trong đó nợ gốc là 49.715.078 đồng và nợ lãi là 60.171.939 đồng phát sinh theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 24/4/2017, phê duyệt ngày 15/5/2017. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 09/7/2020 Công ty S tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số DSA/Q11/17/0114/HDHM ngày 24/5/2017, các khế ước nhận nợ và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo số 01 ngày 24/4/2017, phê duyệt ngày 15/5/2017 cho đến khi trả xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp Công ty S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà Đinh Vũ Hồng Ph có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0114/HDBL ngày 24/5/2017 và Hợp



đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0114/HĐBL/THE ngày 29/5/2017 đã ký giữa các bên.

[4] Đối với khoản lãi phạt do chậm thanh toán. Ông V đại diện cho Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi phạt yêu cầu bị đơn thanh toán, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện về khoản lãi phạt do chậm thanh toán này.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 33.123.906 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.367.658 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0000247 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342, Điều 463 và Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V .

1. Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 08/7/2020 cụ thể: Trả số nợ của Hợp đồng vay là 618.210.646 đồng, trong đó, nợ gốc là 317.096.410 đồng, lãi trong hạn 19.529.059 đồng và lãi quá hạn 281.585.177 đồng, theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số DSA/Q11/17/0114/HDHM ngày 24/5/2017 và các khế ước nhận nợ sau:

+ Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM-01 ngày 24/5/2017;

- + Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM-02 ngày 26/5/2017;
- + Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM-03 ngày 27/6/2017;
- + Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM-04 ngày 01/8/2017;
- + Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM-05 ngày 28/8/2017;
- + Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM-06 ngày 04/10/2017;
- + Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM-07 ngày 26/10/2017;
- + Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM-08 ngày 27/11/2017;
- + Khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0114/HĐHM-09 ngày 27/12/2017.

Trả số tiền nợ thẻ tín dụng là 109.887.017 đồng, trong đó, nợ gốc là 49.715.078 đồng và nợ lãi là 60.171.939 đồng, phát sinh theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo số 01 ngày 24/4/2017, được phê duyệt ngày 15/5/2017. Tổng số nợ phải trả là 728.097.663đ (Bảy trăm hai mươi tám triệu không trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng).

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09/7/2020 Công ty TNHH S phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ trên cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà Đinh Vũ Hồng Ph có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần V, theo Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0114/HDBL ngày 24/5/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0114/HDBL/THE ngày 29/5/2017 đã ký giữa các bên.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản lãi phạt do chậm thanh toán.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 33.123.906đ (Ba mươi ba triệu một trăm hai mươi ba nghìn chín trăm lẻ sáu đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.367.658đ (Mười một triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0000247 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Lê Thị Thành Huế**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

